

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2016 - 2017

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh – Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Phòng Công tác sinh viên hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho sinh viên còn trong thời gian học chính khóa năm học 2016 – 2017 với hồ sơ như sau:

1. Đối với sinh viên khoá 2016 và các sinh viên chưa nộp hồ sơ:

- Tất cả các sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí phải làm “Đơn xin xét miễn, giảm HP (Mẫu đơn theo phụ lục VI). Sinh viên có thể dowload mẫu tại website: <http://www.ou.edu.vn/ctcthssv/Pages/bieu-mau.aspx>

- Hồ sơ kèm theo gồm có:

STT	Đối tượng	Hồ sơ gồm có:
A. Đối tượng được miễn 100% học phí		
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. cụ thể: - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có); - Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có);	- Giấy xác nhận sinh viên thuộc đối tượng do cơ quan quản lý đối tượng người có công xác nhận; - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh; - Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu.

	con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	
2	Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;	- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc xác nhận.
3	Không thực hiện miễn, giảm học phí đối tượng sinh viên thuộc diện mồ côi (theo danh sách đính kèm)	
4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	- Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh của sinh viên; - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp;
5	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn: (Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu)	- Bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú; - Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh của sinh viên.
B. Đối tượng giảm 70% học phí		
5	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	- Bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú; - Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh của sinh viên.
C. Đối tượng giảm 50% học phí		
6	Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Bản sao có chứng thực sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp
C. Thông tin tham khảo: http://www.moet.gov.vn/?page=6.10&view=1218		

2. Đối với các sinh viên đã nộp hồ sơ:

Các sinh viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã cấp năm 2016.

3. Thời gian, địa điểm thực hiện:

+ Thời gian nộp hồ sơ đối với tân sinh viên khóa 2016: Từ ngày 16/8/2016 đến hết ngày 17/11/2016

+ Thời gian nộp hồ sơ đối với sinh viên các khóa 2012, 2013, 2014, 2015: Từ ngày 17/10/2016 đến hết ngày 17/11/2016

+ Địa điểm nộp hồ sơ: **Phòng Công tác sinh viên** (P.009 – 97 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM) (Mọi chi tiết sinh viên vui lòng liên hệ số điện thoại: 083.9302146 hoặc 083.9300210 – số nội bộ: 200)

Lưu ý:

- Sinh viên phải nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời gian quy định. Nhà trường sẽ không giải quyết các trường hợp nộp hồ sơ không đúng thời gian quy định.

- Sinh viên được miễn, giảm HP được hướng dẫn tại thông báo này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm HP nếu đồng thời học 2 ngành cùng một lúc thì chỉ được giải quyết chế độ ưu đãi tại ngành học chính khoá (ngành một).

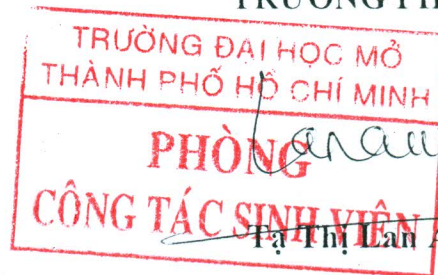
Trên đây là hướng dẫn thực hiện thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 đề nghị toàn thể sinh viên nghiêm túc thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên “để hướng dẫn”;
- Ban giám hiệu “để báo cáo”;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Lan Anh

Phụ lục I

Danh mục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh – Xã hội)

CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

1. Quyết định số 539/ QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013 – 2015;
2. Quyết định số 2405/ QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
3. Quyết định số 582/ QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thông đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
4. Quyết định số 495/ QĐ-TTg ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn, khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
5. Quyết định số 1049/ QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;
6. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-Cp ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu; huyện Nậm Phò, tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 3a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.
7. Các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đại bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).